

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 41

S. D. C  
CÔNG TY

11.01  
KIẾ  
TÍNH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty

#### Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Nghè	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Lê Thanh Vân**  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024



Số: 1872/2024/BCKT-ICPA.SG

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 4 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lương Xuân Trường**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2023-072-1



**Trần Thị Xuân Tước**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>151.007.734.482</b>	<b>129.315.972.724</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.500.093.493</b>	<b>11.951.383.333</b>
1. Tiền	111	V.1	12.000.093.493	11.951.383.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>34.300.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	34.300.000.000	15.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.014.168.396</b>	<b>67.624.450.829</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.627.487.008	66.891.353.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.147.131.160	831.871.017
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.480.277.322	3.922.471.970
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.438.258.118)	(4.028.658.505)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		197.531.024	7.412.741
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>37.478.098.234</b>	<b>34.094.161.911</b>
1. Hàng tồn kho	141		41.815.465.102	37.465.706.775
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.337.366.868)	(3.371.544.864)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>715.374.359</b>	<b>645.976.651</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	39.158.523	43.420.030
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		474.644.470	99.903.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	201.571.366	502.652.968
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.717.689.005</b>	<b>45.110.766.170</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>858.633.000</b>	<b>858.633.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	858.633.000	858.633.000
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.466.107.786</b>	<b>23.042.594.215</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	20.466.107.786	23.042.594.215
- Nguyên giá	222		56.882.374.875	56.738.930.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.416.267.089)	(33.696.336.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>629.519.818</b>	<b>822.709.908</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	629.519.818	822.709.908
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>7.956.213.357</b>	<b>15.739.664.030</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	7.956.213.357	15.739.664.030
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.807.215.044</b>	<b>4.647.165.017</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.463.297.293	3.105.507.420
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	2.343.917.751	1.541.657.597
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>185.725.423.487</b>	<b>174.426.738.894</b>

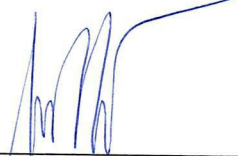
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.728.303.486</b>	<b>71.584.955.623</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.360.235.107</b>	<b>71.236.444.487</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	17.583.319.182	37.620.862.510
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	10.838.397.681	4.729.277.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	4.327.222.820	1.268.890.984
4. Phải trả người lao động	314		881.367.182	385.649.241
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	5.749.655.752	2.538.649.590
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	7.999.364.074	7.809.632.747
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	4.846.022.775	11.878.708.331
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	9.134.885.641	5.004.774.013
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>368.068.379</b>	<b>348.511.136</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14	368.068.379	348.511.136
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>123.997.120.001</b>	<b>102.841.783.271</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>123.924.584.098</b>	<b>102.769.247.368</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.848.061.799	18.848.061.799
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.794.250.176	47.638.913.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		36.136.499.446	30.599.508.198
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.657.750.730	17.039.405.248
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>72.535.903</b>	<b>72.535.903</b>
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	72.535.903
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>185.725.423.487</b>	<b>174.426.738.894</b>

  
 Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
 Người lập biểu

  
 Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Thanh Vân  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>228.544.905.598</b>	<b>154.731.928.175</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	8.181.818
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>228.544.905.598</b>	<b>154.723.746.357</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	203.475.352.098	137.530.040.287
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>25.069.553.500</b>	<b>17.193.706.070</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.619.844.050	15.920.092.107
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.032.942.111	1.241.319.115
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.006.387.176	1.235.880.585
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	7.783.450.673
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	785.500.149	1.607.865.439
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.322.243.276	15.646.841.320
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>42.548.712.014</b>	<b>22.401.222.976</b>
12. Thu nhập khác	31		27.823.059	548.593
13. Chi phí khác	32		64.209.700	445.652.225
<b>14. Lãi khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(36.386.641)</b>	<b>(445.103.632)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>42.512.325.373</b>	<b>21.956.119.344</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.097.839.871	358.629.900
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.14	(782.702.911)	(76.767.116)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>41.197.188.413</b>	<b>21.674.256.560</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		41.197.188.413	21.674.256.560
<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>9.937</b>	<b>5.185</b>

  
Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
Người lập biểu

  
Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
Kế toán trưởng

  
Lê Thanh Vân  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.512.325.373	21.956.119.344
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.719.930.873	2.695.688.482
Các khoản dự phòng	03	3.375.421.617	1.410.470.639
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.899.153)	(13.492.257)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.523.696.523)	(23.467.607.689)
Chi phí lãi vay	06	1.006.387.176	1.235.880.585
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.077.469.363	3.817.059.104
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	5.758.240.323	(7.942.932.232)
Tăng hàng tồn kho	10	(4.349.758.327)	(11.576.021.947)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.919.008.854)	26.615.653.061
Giảm chi phí trả trước	12	839.661.724	477.669.134
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.018.515.108)	(1.235.834.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.120.781.294)	(135.772.986)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.409.326.055)	(3.596.554.728)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(142.018.228)</b>	<b>6.423.264.672</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(143.444.444)	(2.223.176.585)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.300.000.000)	(14.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.656.373.235	34.203.096.996
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>20.212.928.791</b>	<b>17.979.920.411</b>

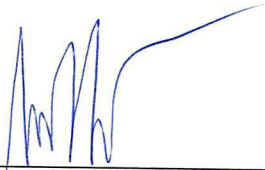
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	103.138.218.546	55.722.745.916
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(110.170.904.102)	(63.844.457.061)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(18.535.099.556)</b>	<b>(19.624.125.145)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>1.535.811.007</b>	<b>4.779.059.938</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>11.951.383.333</b>	<b>7.158.831.138</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.899.153	13.492.257
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>13.500.093.493</b>	<b>11.951.383.333</b>

  
Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
Người lập biểu

  
Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
Kế toán trưởng

  
Lê Thanh Vân  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh lần thứ 9 ngày 7 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 178 người là 184 người.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang (tên cũ là Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang)	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
<b>Công ty liên doanh</b>				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	50%	49%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:*

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:*

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	717.183.032	530.240.841
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.282.910.461	11.421.142.492
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.500.093.493</b>	<b>11.951.383.333</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	34.300.000.000	15.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cuối kỳ thể hiện số dư của các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gửi từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất được hưởng trong năm từ 3,9%/năm đến 5,7%/năm.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Khách hàng là bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	47.493.723	135.580.900
<b>Khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Phạm Bảo	14.387.070.217	-
Công ty TNHH Xây dựng Hòa Lợi	6.997.761.386	3.266.695.058
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Thiện Phát	6.817.240.000	36.205.000.000
Các đối tượng khác	33.377.921.682	27.284.077.648
<b>Cộng</b>	<b>61.627.487.008</b>	<b>66.891.353.606</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thanh Hải Phát Kiên Giang	535.560.000	-
Zigong City Ocean Art Co.,Ltd	-	290.721.600
DNTN Vật liệu Xây dựng Bảo Toàn	-	190.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thép Nguyên Phát	-	102.830.862
Các đối tượng khác	611.571.160	248.318.555
<b>Cộng</b>	<b>1.147.131.160</b>	<b>831.871.017</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Dự thu lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	5.606.668.155	-
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	1.864.045.675	2.586.507.014
Tạm ứng cho nhân viên	317.251.120	743.058.030
Các khoản phải thu khác	692.312.372	592.906.926
<b>Cộng</b>	<b>8.480.277.322</b>	<b>3.922.471.970</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	858.633.000	858.633.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.338.910.322</b>	<b>4.781.104.970</b>
<b><i>Trong đó, phải thu bên liên quan</i></b>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	5.606.668.155	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.756.783.330	318.525.212	(6.438.258.118)	5.343.034.821	1.314.376.316	(4.028.658.505)

**Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm**

	2023 VND	2022 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>(4.028.658.505)</b>	<b>(3.101.989.623)</b>
Trích lập dự phòng trong năm	(2.647.649.613)	(1.199.135.392)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	238.050.000	272.466.510
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(6.438.258.118)</b>	<b>(4.028.658.505)</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.631.477.156	(1.183.647.414)	12.726.728.027	(1.155.015.876)
Công cụ, dụng cụ	132.061.226	(132.061.226)	135.331.226	(132.061.226)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.197.389.398	(575.338.608)	20.187.294.108	(1.002.663.676)
Thành phẩm	1.890.854.806	(1.575.976.364)	2.440.273.584	(1.041.797.267)
Hàng hóa	1.963.682.516	(870.343.256)	1.976.079.830	(40.006.819)
<b>Cộng</b>	<b>41.815.465.102</b>	<b>(4.337.366.868)</b>	<b>37.465.706.775</b>	<b>(3.371.544.864)</b>

**Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm**

	2023	2022
	VND	VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>(3.371.544.864)</b>	<b>(2.887.743.107)</b>
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.072.780.478)	(483.801.757)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	106.958.474	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(4.337.366.868)</b>	<b>(3.371.544.864)</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.158.523	43.420.030
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất chờ phân bổ (i)	1.458.333.334	1.666.666.667
Chi phí sửa chữa tài sản	782.080.982	783.554.294
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	222.882.977	652.609.792
Chi phí trả trước khác	-	2.676.667
<b>Cộng</b>	<b>2.463.297.293</b>	<b>3.105.507.420</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.502.455.816</b>	<b>3.148.927.450</b>

(i) Đây là chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với TCTC (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.818.903	-	-	8.818.903
Thuế thu nhập cá nhân	73.222.441	39.480.528	-	33.741.913
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	420.611.624	261.601.074	-	159.010.550
<b>Cộng</b>	<b>502.652.968</b>	<b>301.081.602</b>	<b>-</b>	<b>201.571.366</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.134.261.084	7.625.290.143	5.544.016.884	3.215.534.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.629.900	2.097.839.871	1.120.781.294	1.111.688.477
Thuế thu nhập cá nhân	-	562.584.848	562.584.848	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	877.299.840	877.299.840	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.500.000	13.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.268.890.984</b>	<b>11.176.514.702</b>	<b>8.118.182.866</b>	<b>4.327.222.820</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2023	16.691.681.271	32.611.601.611	7.341.521.185	94.126.364	56.738.930.431
Mua tài sản trong năm	-	143.444.444	-	-	143.444.444
Phân loại lại	2.968.131.325	(3.327.857.170)	359.725.845	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>19.659.812.596</b>	<b>29.427.188.885</b>	<b>7.701.247.030</b>	<b>94.126.364</b>	<b>56.882.374.875</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2023	10.456.746.373	17.745.107.536	5.412.430.943	82.051.364	33.696.336.216
Khấu hao trong năm	678.480.569	1.758.416.182	276.734.122	6.300.000	2.719.930.873
Phân loại lại	1.444.201.081	(1.657.459.566)	213.258.485	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>12.579.428.023</b>	<b>17.846.064.152</b>	<b>5.902.423.550</b>	<b>88.351.364</b>	<b>36.416.267.089</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	<b>6.234.934.898</b>	<b>14.866.494.075</b>	<b>1.929.090.242</b>	<b>12.075.000</b>	<b>23.042.594.215</b>
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>7.080.384.573</b>	<b>11.581.124.733</b>	<b>1.798.823.480</b>	<b>5.775.000</b>	<b>20.466.107.786</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 13.532.188.472 đồng và 12.750.094.978 đồng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 892.483.045 đồng.

Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 10.177.477.840 đồng và 4.258.499.126 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 12.532.697.959 đồng và 3.471.609.563 đồng) (xem thêm tại thuyết minh V.19).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	108.919.818	302.109.908
<b>Cộng</b>	<b>629.519.818</b>	<b>822.709.908</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**13. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	7.956.213.357	7.783.450.673
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>		<b>7.956.213.357</b>		<b>15.739.664.030</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của khoản đầu tư này.

**Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi trong năm như sau:**

	2023 VND	2022 VND
<b>Giá trị ghi nhận đầu năm</b>	<b>15.739.664.030</b>	<b>7.956.213.357</b>
<b>Thay đổi trong năm</b>	-	<b>7.783.450.673</b>
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh	-	7.783.450.673
<i>Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh trong năm</i>	36.233.608.155	23.368.775.673
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(36.233.608.155)	(15.585.325.000)
Nhận thanh toán lợi nhuận	(7.783.450.673)	-
<b>Giá trị ghi nhận cuối năm</b>	<b>7.956.213.357</b>	<b>15.739.664.030</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**14. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Các khoản dự phòng VND	Cộng VND
<b>a. Tài sản thuế hoãn lại</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>678.873.262</b>	<b>522.539.951</b>	<b>1.201.413.213</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(177.747.316)	(162.497.068)	(340.244.384)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>856.620.578</b>	<b>685.037.019</b>	<b>1.541.657.597</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(86.328.116)	(715.932.038)	(802.260.154)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>942.948.694</b>	<b>1.400.969.057</b>	<b>2.343.917.751</b>
<b>b. Thuế hoãn lại phải trả</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>85.033.868</b>	-	<b>85.033.868</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(263.477.268)	-	(263.477.268)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>348.511.136</b>	-	<b>348.511.136</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	19.557.243	-	19.557.243
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>368.068.379</b>	-	<b>368.068.379</b>
<b>Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>(782.702.911)</b>

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hoặc khi các khoản nợ phải trả được thanh toán, hiện được ước tính ở mức 20%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**15. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Người bán là bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	455.673.354	455.673.354	352.284.794	352.284.794
	-	-	34.445.488	34.445.488
	<b>455.673.354</b>	<b>455.673.354</b>	<b>386.730.282</b>	<b>386.730.282</b>
<b>Người bán khác</b>				
Công ty TNHH Đầu tư TM DV SX Thiên Lộc Phát	5.760.049.955	5.760.049.955	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Phương Oanh	3.474.189.410	3.474.189.410	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quang Mười	631.466.917	631.466.917	3.958.202.792	3.958.202.792
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Hiếu Hạnh	304.509.609	304.509.609	18.601.461.258	18.601.461.258
Công ty TNHH Đầu tư Thép Xanh	-	-	3.949.989.917	3.949.989.917
Các đối tượng khác	6.957.429.937	6.957.429.937	10.724.478.261	10.724.478.261
	<b>17.127.645.828</b>	<b>17.127.645.828</b>	<b>37.234.132.228</b>	<b>37.234.132.228</b>
<b>Cộng</b>	<b>17.583.319.182</b>	<b>17.583.319.182</b>	<b>37.620.862.510</b>	<b>37.620.862.510</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Kiên Lương	3.035.886.972	-
Japan Insulation Co., Ltd.	2.397.486.024	110.431.211
Ban quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Giang Thành	1.866.712.812	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	-	2.238.475.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Xây dựng BT	-	660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp 6	-	531.667.000
Các đối tượng khác	3.538.311.873	1.188.703.860
<b>Cộng</b>	<b>10.838.397.681</b>	<b>4.729.277.071</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.688.076.203	2.473.062.109
Chi phí lãi vay	5.959.549	18.087.481
Chi phí phải trả khác	55.620.000	47.500.000
<b>Cộng</b>	<b>5.749.655.752</b>	<b>2.538.649.590</b>

**18. Phải trả khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	90.000.000
Các khoản khác	864.552.891	584.821.564
<b>Cộng</b>	<b>7.999.364.074</b>	<b>7.809.632.747</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	3.846.022.775	3.846.022.775	100.316.736.350	105.970.713.575	9.500.000.000	9.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.000.000.000	1.000.000.000	2.821.482.196	2.700.190.527	878.708.331	878.708.331
	<b>4.846.022.775</b>	<b>4.846.022.775</b>	<b>103.138.218.546</b>	<b>108.670.904.102</b>	<b>10.378.708.331</b>	<b>10.378.708.331</b>
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh b)	-	-			1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.846.022.775</b>	<b>4.846.022.775</b>			<b>11.878.708.331</b>	<b>11.878.708.331</b>
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-			(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.846.022.775</b>	<b>4.846.022.775</b>			<b>11.878.708.331</b>	<b>11.878.708.331</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

<b>Bên cho vay</b>	<b>Số dư</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Tài sản đảm bảo</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	3.000.000.000	6 tháng	01/06/2024	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm từ 6,5% đến 9,5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Một số tài sản trên đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty
	846.022.775	6 tháng	08/06/2024	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 8%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng với tổng giá trị là 1.500.000.000 đồng.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.000.000.000	6 tháng	21/03/2024	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 8%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị là 5.300.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ khen thưởng	8.447.131.268	4.068.816.423
Quỹ phúc lợi	387.754.373	635.957.590
Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.134.885.641</b>	<b>5.004.774.013</b>

**Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:**

	2023 VND	2022
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.004.774.013</b>	<b>3.966.477.429</b>
Trích lập quỹ từ lợi nhuận trong năm	8.539.437.683	4.634.851.312
Quỹ thưởng từ Tổng Công ty	30.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	(4.439.326.055)	(3.596.554.728)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.134.885.641</b>	<b>5.004.774.013</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>32.864.040.000</b>	<b>21.390.927.097</b>	<b>3.418.232.123</b>	<b>39.559.056.900</b>	<b>97.232.256.120</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.674.256.560	21.674.256.560
Chia cổ tức	-	-	-	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(2.542.865.298)	-	2.542.865.298	-
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.334.851.312)	(4.334.851.312)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>32.864.040.000</b>	<b>18.848.061.799</b>	<b>3.418.232.123</b>	<b>47.638.913.446</b>	<b>102.769.247.368</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	41.197.188.413	41.197.188.413
Chia cổ tức	-	-	-	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(8.239.437.683)	(8.239.437.683)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>32.864.040.000</b>	<b>18.848.061.799</b>	<b>3.418.232.123</b>	<b>68.794.250.176</b>	<b>123.924.584.098</b>

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành được tạm trích với số tiền 300 triệu đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 35% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 11.502.414.000 đồng.

Cổ tức năm 2023 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 25% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	126.849.268.686	75.635.500.491
Doanh thu xây dựng các loại cầu	78.382.213.405	60.986.935.972
Doanh thu bán hàng hóa	20.877.533.211	15.485.733.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.435.890.296	2.623.758.180
<b>Cộng</b>	<b>228.544.905.598</b>	<b>154.731.928.175</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	8.181.818
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>228.544.905.598</b>	<b>154.723.746.357</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**2. Giá vốn hàng bán**

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn bán thành phẩm	115.964.158.288	67.036.827.621
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	66.744.480.393	54.787.728.543
Giá vốn bán hàng hóa	19.351.220.987	14.611.928.226
Giá vốn cung cấp dịch vụ	449.670.426	609.754.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	965.822.004	483.801.757
<b>Cộng</b>	<b><u>203.475.352.098</u></b>	<b><u>137.530.040.287</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận từ liên doanh Công ty TNHH Liên Doanh Antraco	36.233.608.155	15.585.325.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.290.088.368	98.832.016
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	83.248.374	222.442.834
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	12.899.153	13.492.257
<b>Cộng</b>	<b><u>37.619.844.050</u></b>	<b><u>15.920.092.107</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	1.006.387.176	1.235.880.585
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	26.554.935	5.438.530
<b>Cộng</b>	<b><u>1.032.942.111</u></b>	<b><u>1.241.319.115</u></b>

***Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan***

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	26.260.274	119.735.899
--------------------------------------------------------------	------------	-------------

**5. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	96.000.000	504.500.000
Chi phí nhân viên	168.066.495	95.688.065
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.791.490	7.791.490
Chi phí nghiệm thu, vận chuyển, thử tải	308.559.681	218.129.293
Chi phí bảo hành	47.371.509	16.766.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	157.710.974	764.990.285
<b>Cộng</b>	<b><u>785.500.149</u></b>	<b><u>1.607.865.439</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.195.444.360	10.387.827.058
Chi phí đồ dùng văn phòng	106.567.797	86.923.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.160.418	509.326.026
Thuế, phí và lệ phí	892.428.938	945.877.023
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.409.599.613	926.668.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.391.970.190	2.256.202.272
Chi phí bằng tiền khác	823.071.960	534.016.863
<b>Cộng</b>	<b>18.322.243.276</b>	<b>15.646.841.320</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2023 VND	2022 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>42.512.325.373</b>	<b>21.956.119.344</b>
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Chi phí không được trừ	4.520.322.843	2.500.181.536
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(36.233.608.155)	(15.585.325.000)
Lãi từ công ty liên doanh	-	(7.783.450.673)
Hoàn nhập chi phí dự phòng không được trừ khi tính thuế năm trước	(230.450.000)	(272.466.510)
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	1.684.772.842
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	333.854.363	(428.649.754)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.902.444.424</b>	<b>2.071.181.785</b>
Chuyển lỗ	(413.245.070)	(278.032.283)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>10.489.199.354</b>	<b>1.793.149.502</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.097.839.871</b>	<b>358.629.900</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	41.197.188.413	21.674.256.560
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(8.539.437.683)	(4.634.851.312)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>32.657.750.730</b>	<b>17.039.405.248</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9.937</b>	<b>5.185</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay đã được điều chỉnh giảm cho giá trị quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát dự tính chia từ lợi nhuận năm 2023 theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đồng
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2023 VND	2022 VND
--	-------------	-------------

**Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP**

Trả tiền vay	1.500.000.000	1.500.000.000
--------------	---------------	---------------

**Công ty TNHH Liên doanh Antraco**

Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.025.864.411	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	93.989.600	-

**Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	2023 VND	2022 VND
------------------	----------------	-------------	-------------

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Thái	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	36.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	-	12.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>210.000.000</b>	<b>210.000.000</b>

**Ban Kiểm soát**

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành Nghè	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	18.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	-	6.000.000
<b>Cộng</b>		<b>72.000.000</b>	<b>72.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

**Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:**

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc	789.732.636	602.838.636
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	482.396.000	414.712.091
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)	451.660.000	431.294.818
<b>Cộng</b>		<b><u>1.723.788.636</u></b>	<b><u>1.448.845.545</u></b>

**2. Các cam kết**

**Cam kết thuê hoạt động**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	<u>1.113.073.844</u>	<u>1.113.073.844</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	1.590.105.492	1.590.106.264
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.360.421.968	6.360.425.056
Sau năm năm	3.991.970.632	5.582.078.455
<b>Cộng</b>	<b><u>11.942.498.092</u></b>	<b><u>13.532.609.775</u></b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m<sup>2</sup> đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Các cam kết** (tiếp theo)**Cam kết không hủy ngang**

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe oto. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (*ngày kết thúc thời hạn thuê đất*). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

**3. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty hiện đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền bị truy thu với giá trị khoảng 2,2 tỷ đồng từ việc hợp tác kinh doanh một phần đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo và 103 Nguyễn Huệ B. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

**5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

  
Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
Người lập biểu

  
Phan Thị Ngọc Lan Thanh  
Kế toán trưởng



  
Lê Thanh Vân  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

